TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-PT
Ngày: 28/7/2020
V/v tranh chấp về
quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Võ Việt Minh, ông Bích Văn Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*** Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa, các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc N – sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Hữu M – sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị A– sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Lê Thị Kiều T– sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- Ngân hàng thương mại cổ phần B, người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc L, chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tòa nhà HM, số Q Nguyễn Thị Minh Khai, phường R, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Khắc N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Tháng 8/2016, ông Nguyễn Khắc N đứng tên mua chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu Kia Sedona với giá 1.370.000.000 đồng. Ngày 06/8/2016, ông N và ông Đoàn Hữu M có thỏa thuận miệng là giao xe cho ông M sử dụng, đồng thời ông M có trách nhiệm trả lại tiền vay ngân hàng hàng tháng, bởi vì chiếc xe này đang được thế chấp để vay vốn ngân hàng TMCP B, số tiền vay 950.000.000 đồng. Khi mua xe ông N bỏ ra 250.000.000 đồng tiền mặt, ông M bỏ ra 170.000.000 đồng. Ngày 29/10/2018, ông N bỏ ra 42.300.000 đồng để chuộc lại xe do ông M mang cầm vay tiền nóng. Tổng cộng ông N bỏ ra 292.300.000 đồng. Ngoài ra ông N còn đóng tiền ngân hàng hàng tháng khi ông M không đóng tiền. Quá trình giao xe cho ông M, ông N không hưởng lợi gì. Nay đã 03 tháng ông M không trả tiền ngân hàng theo thỏa thuận làm phát sinh nợ xấu. Hiện nay ông N không có nhu cầu để ông M sử dụng xe ô tô nữa, mà yêu cầu đem về bán để thanh toán tiền vay ngân hàng và để ông lấy lại số tiền 250.000.000 đồng. Nhưng từ ngày 19/10/2018 đến nay, ông M không đem xe về giải quyết mà đem xe đi dấu. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông M mang xe về trả lại cho ông N để ông xử lý nợ với ngân hàng vì xe ô tô và nợ ngân hàng đều do ông chịu trách nhiệm. Về số tiền 42.300.000 đồng để chuộc lại xe do ông M mang cầm vay tiền nóng thì ông N sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Bị đơn trình bày: Năm 2013, ông M cùng vợ là bà Lê Thị Kiều Tthuê nhà gần nhà vợ chồng ông Nguyễn Khắc **N**, bà Lương Thị A. Giữa hai gia đình có mối quan hệ láng giềng rất thân thiết. Năm 2015 gia đình ông M mua căn nhà 40 Võ Liêm Sơn đối diện nhà ông N. Chính vì lẽ đó hai gia đình ngày càng thân thiết hơn. Gia đình ông thường hay tặng quà cho vợ chồng ông N.

Tháng 7/2016 vợ chồng ông M tham khảo xe tại hãng xe Thaco Bình Thuận để tìm mua xe ô tô và được ông Huỳnh Tấn S – nhân viên phòng kinh doanh và ông Nguyễn Văn D – nhân viên kỹ thuật tư vấn về xe Sedona đời 2016. Ngày 28/7/2016 vợ chồng ông M ra ký hợp đồng đặt cọc số 503 để mua xe ô tô Sedona, đời 2016, màu trắng, dùng dầu, giá 1.370.000.000 đồng. Do cần vốn làm ăn nên ông M nhờ ông S tư vấn đến ngân hàng TMCP B để thế chấp xe và vay vốn nhưng ngân hàng cho rằng căn nhà của gia đình ông chưa có giấy tờ hợp lệ không thể cho vay. Vì quá thân tình nên vợ chồng ông M nhờ vợ chồng ông N đứng tên xe giùm ông M và vay vốn ngân hàng giúp cho ông M. Ông M chịu trách nhiệm trả cả vốn lẫn lãi theo hợp đồng vay kéo dài đến năm 2021. Đồng thời ông M phải trả cho ông N hàng tháng 3.000.000 đồng để trả

ơn. Khi thống nhất nội dung này, ông M, cùng ông N ra hãng xe Thaco và gặp ông S để làm thủ tục chuyển hợp đồng đặt cọc từ ông M sang ông N. Hợp đồng đặt cọc mới số 504 mang tên ông N với số tiền cọc là 200.000.000 đồng bao gồm tiền ông M đưa thêm 150.000.000 đồng cộng với tiền cọc cũ 50.000.000 đồng của hợp đồng số 503. Sau đó giữa ông M, ông N, đại diện Thaco và đại diện Ngân hàng thống nhất: Thaco bán xe cho ông M, ông trả trước 420.000.000 đồng cho Thaco và Thaco làm thủ tục ra biển số và giấy tờ xe mang tên ông N. Số tiền 950.000.000 đồng còn lại được giao toàn bộ cho Thaco khi ngân hàng giải ngân dưới tên ông N. Việc này ông N khởi kiện vụ kiện đòi lại tài sản và yêu cầu ông M trả lại xe ô tô hiệu Kia Sedona, biển số 86A-04891 là không có căn cứ. Ông M xác định xe ô tô, toàn bộ tiền mua xe ô tô là của ông trong đó 420.000.000 đồng là tiền mặt từ gia đình ông, 950.000.000 đồng là tiền nhờ ông N vay ngân hàng.

Ông N cho rằng bỏ ra 250.000.000 đồng để mua xe là không đúng sự thật. Còn việc ông N bỏ ra 42.300.000 đồng để chuộc xe do ông M cầm vay nóng là không hợp lý. Vì trong lúc kẹt tiền, ông M nhờ vợ ông N vay giúp 42.300.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/ngày. Ngày 29/10/2018, ông N mang tiền ra tỉnh Bình Định trả cho ông M. Ông M xác định đây là khoản tiền vay chứ không phải là tiền mua xe. Ngoài ra ông N còn cho rằng bỏ tiền ra để trả tiền cho ngân hàng trong những tháng mà ông M không đóng là không đúng.

Sau khi mua xe hai năm, ông M và gia đình sử dụng ổn định để đi làm ăn. Các nghĩa vụ thuế và bảo hiểm các loại, bảo trì bảo dưỡng xe và sửa chữa đều, mướn tài xế để chạy đều do ông M thực hiện. Thực chất của vấn đề không nằm ở chổ tài sản là của ai mà hiện nay ông M gặp khó khăn về tài chính, chưa kịp trả lãi tiền vay cho vợ chồng ông N 200.000.000 đồng thì việc khởi kiện này là để ép ông M bán rẻ xe ô tô cho người nhà ông N để trả nợ cho ông N.

Ông M đề nghị bác đơn khởi kiện của ông N. Ông M trả lại cho ông N 42.300.000 đồng tiền vay mà ông N tính vào tiền mua xe. Chuyển tên xe chủ sở hữu xe từ ông N sang ông M, chuyển hợp đồng vay tài sản của ngân hàng từ ông N sang ông M. Ông M sẽ trực tiếp trả nợ cho ông N. Nếu ông N muốn lấy lại xe ô tô thì phải trả lại toàn bộ trả ông M đã trả cho ngân hàng và tiền ông M đã bỏ ra trả cho công ty Trường Hải là 407.200.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị A*: Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kiều T trình bày*: Bà là vợ của ông Đoàn Hữu M. Vợ chồng bà và vợ chồng ông N, bà A quen biết nhau qua công việc. Sau này khi mua 1 căn nhà đối diện nhà bà A, ông N trong đường Võ Liêm Sơn, ở phường Phú Thủy thì hai bên gia đình sống rất thân thiện với nhau. Năm 2016 bà T và ông Đoàn Hữu M thỏa thuận mua 1 chiếc xe ô tô tại công ty Trường Hải chi nhánh Phan Thiết trị giá 1.357.200.000 đồng để đi lại làm ăn, kinh doanh. Vợ chồng bà bỏ ra tổng cộng 420.000.000 đồng để mua xe, khi lên nhận xe thì trừ ra những thiết

bị không cần thiết nên còn lại là 407.200.000 đồng, số tiền này nộp cho Trường Hải, tiền còn thiếu sẽ vay ngân hàng. Do làm thủ tục vay không được nên mới nhờ ông N đứng ra vay giúp và đứng tên trên xe ô tô. Thỏa thuận này không viết giấy tờ. Số tiền bà nộp cho công ty Trường Hải tổng cộng 4 lần. Mỗi lần đi nộp, vợ chồng bà cùng với ông N, nhân viên bán xe của Trường Hải là Huỳnh Tấn S, ông D (không rõ họ, là kỹ thuật viên của Trường Hải). Tại bàn làm việc, bà đưa tiền tại bàn, nhờ ông N mang vào phòng nộp tiền và ký tên. Tháng 8/2016 bà T nhận xe ô tô, tại ngày nhận xe công ty Trường Hải tổ chức chụp hình lưu niệm. Ông Huỳnh Tấn S là người tặng hoa và chụp hình với bà T. Sau đó ông S còn mời bà đi quảng cáo xe ô tô giúp công ty. Còn số nợ ngân hàng, tiền vốn và lãi thì bà T trả cho ngân hàng hàng tháng, chủ yếu ông M đi đóng tiền. Khi đi công tác xa thì bà nhờ ông Phạm Hoàng H là nhân viên ngân hàng B đi đóng tiền giúp. Từ lúc mua xe đến nay thì vợ chồng bà là người sử dụng xe ô tô, đóng tiền trả nợ đầy đủ. Vợ chồng bà muốn trả dứt điểm để lấy xe ra thì không được vì ông N và ngân hàng không chịu giao giấy tờ xe. Nay ông N khởi kiện là điều vô lý, bà không đồng ý. Nếu ông N muốn lấy lại xe ô tô thì phải trả tiền vợ chồng bà đã bỏ ra mua xe ô tô.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP B trình bày*: Theo hợp đồng tín dụng số 0153/03516/04.HĐTDTLTDH ngày 09/8/2016 ngân hàng TMCP B cấp tín dụng cho vợ chồng ông Nguyễn Khắc N và bà Lương Thị A số tiền 950.000.000 đồng, dự nợ gốc hiện tại là 522.500.009 đồng, lãi suất cố định 03 tháng đầu 10,8%/năm, tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ theo qui định của VCCB + biên độ 4,3%/năm, thời hạn vay 60 tháng (09/8/2016 đến 09/8/2021). Tài sản dùng để bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô hiệu Kia, màu trắng, số máy D4HBG731330, số khung 52A6GC084804, biển kiểm soát 86A-04891, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008228 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/8/2016 cho ông Nguyễn Khắc N. Từ tháng 11/2018 cho đến ngày 10/5/2019 thì ông N, bà A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng TMCP B thống nhất với đề nghị của ông N yêu cầu ông M giao xe cho ông N để xử lý tài sản bảo đảm trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng TMCP B không thể biết chính xác thỏa thuận giữa ông N và ông M như thế nào. Đồng thời không thể xác định được từ lúc vay cho đến nay ông M hay ông N là người nộp tiền trả cho ngân hàng vì ngân hàng lập một tài khoản tên ông N và tiền trả nợ cho ngân hàng sẽ chuyển vào tài khoản này. Về mặt pháp lý ông N, bà A là người chịu trách nhiệm cao nhất đối với khoản vay của ngân hàng.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã đưa vụ án ra xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 157, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 214, Điều 215, Điều 217, khoản 1 Điều 623 Bộ Luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc N: Ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều Tphải giao trả cho ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A01 (một) xe ô tô hiệu Kia, loại: Grand, màu trắng, số máy D4HBG731330, số khung 52A6GC084804, biển kiểm soát 86A-04891 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008228 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/8/2016).

Ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị Atrả lại cho ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T tiền góp vào mua xe là 110.291.195 đồng, tiền gốc đã trả ngân hàng TMCP B 358.579.991 đồng. Tổng cộng là 468.871.186 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn một trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông M, bà T chịu trách nhiệm quản lý xe ô tô biển kiểm soát 86A-04891cho đến khi giao lại xe cho ông N, bà A. Sau khi nhận được xe ông N, bà A tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng TMCP B theo thỏa thuận đã ký kết. Nếu phát sinh tranh chấp về tiền vay ngân hàng, nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi tiếp theo thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về chi phí tố tụng khác: ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T trả lại cho ông N, bà A chi phí thẩm định tại chổ và chi phí thẩm định giá là 3.863.500 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông M, bà T phải chịu phần khấu hao tài sản; phải chịu tiền lãi và tiền gốc để được sử dụng xe; yêu cầu để lại xe ôtô biển kiểm soát 86A-04891 cho vợ chồng ông M, bà T tiếp tục sử dụng nhưng chuyển tiền nợ tại Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số 0153/03516/04.HĐTDTLTDH ngày 09/8/2016 cho ông M, bà T buộc ông M, bà T phải trả lại số tiền mà ông N đã bỏ ra mua xe.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giao xe cho nguyên đơn sở hữu và buộc nguyên đơn trả lại tiền cho bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên cách tính khấu hao tài sản như cấp sơ thẩm là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Trong vụ án này, các bên không có thỏa thuận cụ thể về việc khấu hao tài sản, nên tài sản bị khấu hao (chênh lệch giữa giá mua xe ban đầu và giá xe ô tô tại thời điểm định giá) mỗi bên phải chịu 50%. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm như hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc N kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc N theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Đòi lại tài sản (tranh chấp về quyền sở hữu tài sản)"; Tòa án cấp phúc thẩm khi thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi tài sản". Xét thấy, trong vụ án này, nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về quyền sở hữu xe ô tô và nghĩa vụ phát sinh từ việc sở hữu tài sản, do vậy, quan hệ pháp luật trong trường hợp này là "Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng quy định của pháp luật và việc xác định lại quan hệ tranh chấp không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự.

[3]. Những nội dung có liên quan đến kháng cáo.

Ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T cho rằng xe ô tô hiệu Kia biển kiểm soát 86A-04891 là tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông bà và chỉ nhờ ông Nguyễn Khắc N đứng tên. Trong khi đó, ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A cho rằng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 86A-04891 thuộc sở hữu của vợ chồng ông N và sau khi mua xe vào tháng 8/2016 thì các bên có thỏa thuận miệng là giao xe cho ông M sử dụng đồng thời ông M có trách nhiệm trả lại tiền vay tại ngân hàng TMCP B với số tiền vay 950.000.000 đồng. Về khoản tiền trả nợ cho ngân hàng, ông M cho rằng ông N nộp 1 kỳ, các kỳ còn lại là do ông nộp. Ông N cho rằng ông phải nộp thay cho ông M 3 kỳ vào các ngày 26/9/2016 trả 29.600.000 đồng, ngày 23/8/2017 trả 23.720.000 đồng và ngày 04/10/2018 21.600.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm, các bên không thống nhất nội dung trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô trên là sở hữu chung của vợ chồng ông N và vợ chồng ông M; về khoản tiền đã trả cho ngân hàng: Vợ chồng ông M đã trả ngân hàng 358.579.99đ. Mặc dù Tòa sơ thẩm xác định các nội dung trên khác với trình bày của vợ chồng ông

M nhưng vợ chồng ông M không kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm xác định các nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Khắc N.

[4.1]. Về quyền sở hữu xe: Yêu cầu giao lại xe ô tô biển kiểm soát 86A-04891 cho vợ chồng ông M tiếp tục sử dụng, vợ chồng ông M có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền đã góp mua xe và bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả gốc và lãi cho ngân hàng.

Tài sản tranh chấp do ông N đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, chiếc xe đang là tài sản bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng TMCP B, người đứng tên vay và thế chấp tài sản là ông Nguyễn Khắc N; trình bày tại cấp phúc thẩm, vợ chồng ông M cho rằng vợ chồng ông hiện nay không có nhu cầu sử dụng xe tô tô này. Ngân hàng Bản Việt cũng thống nhất là ông N thế chấp xe tại ngân hàng, vay tiền ngân hàng thì ông N phải có trách nhiệm đối với Ngân hàng. Hơn nữa, trong đơn khởi kiện, ông N cũng yêu cầu ông M phải đem xe về trả lại cho ông. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao xe ô tô biển kiểm soát 86A-04891 cho ông N, bà A sở hữu là có cơ sở.

[4.2]. Về yêu cầu ông M là người sử dụng xe ô tô từ trước đến nay thì ông M phải trả lãi và gốc cho Ngân hàng.

Ông N cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nội dung nêu trên nhưng bị đơn không đồng ý và nguyên đơn không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông N và Ngân hàng. Ông N thừa nhận ông M đã trả cho Ngân hàng 358.579.990đ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông vợ chồng ông M giao xe lại cho vợ chồng ông sở hữu thì vợ chồng ông phải trả lại tiền cho ông M số tiền ông M đã trả Ngân hàng thay ông là có căn cứ; nội dung kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận.

[4.3.] Về khấu hao tài sản.

Chiếc xe có trị giá khi mua là 1.357.000.000 đồng, kết quả định giá hiện nay là 880.513.000đ, chênh lệch 476.687.000đ. Cấp sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông M góp vốn ban đầu để mua xe là 170.000.000đ, vợ chồng ông M chỉ phải chịu phần khấu hao tài sản trên tỷ lệ vốn góp, nên buộc vợ chồng ông N trả lại cho vợ chồng ông M 110.291.195đ.

Mặc dù chiếc xe ô tô nêu trên là sở hữu chung theo phần của vợ chồng ông M và vợ chồng ông N, nhưng trên thực tế vợ chồng ông M là người quản lý, sử dụng, khai thác giá trị tài sản từ khi mua đến nay, mục đích của việc góp vốn mua xe là để kinh doanh nhưng trên thực tế các bên không phân chia tỷ lệ lợi nhuận (từ việc kinh doanh dịch vụ vận tải) theo tỷ lệ vốn góp. Hơn nữa, vợ chồng ông M ngoài việc góp vốn ban đầu là 170.000.000đ, còn trả tiền Ngân hàng (là khoản vay để mua xe) là 358.579.991đ, tổng cộng là 528.579.991đ. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông M chỉ phải chịu khấu hao tài trên tỷ lệ vốn góp ban đầu là 170.000.000đ/1.357.000.000đ là chưa thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp

của nguyên đơn. Do các bên không có thỏa thuận rõ ràng về việc chịu thiệt hại khi tài sản bị khấu hao và trách nhiệm của các bên với số tiền vay ngân hàng để góp vốn mua xe nên xét thấy khoản khấu hao này mỗi bên phải chịu 50% là có căn cứ. Ông N kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông M phải chịu toàn bộ khấu hao là không có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo này của nguyên đơn. Giá trị tài sản bị khấu hao là 476.687.000 đ, mỗi bên phải chịu 50% là 238.343.500 đ.

[5]. Về trách nhiệm hoàn trả.

(1) Vợ chồng ông N được sở hữu xe ô tô là tài sản chung thì vợ chồng ông N phải trả cho vợ chồng ông M: Tiền vợ chồng ông M góp vốn ban đầu là 170.000.000đ; tiền vợ chồng ông M trả ngân hàng là 358.579.991đ. Tổng cộng là 528.579.991đ.

(2) Tiền khấu hao tài sản: Vợ chồng ông N và vợ chồng ông M mỗi người phải chịu 238.343.500đ. Vợ chồng ông M phải trả cho vợ chồng ông N là 238.343.500đ.

(3) Khấu trừ các khoản (1) và (2): Vợ chồng ông N phải trả cho vợ chồng ông M: 528.579.991đ – 238.343.500đ = 290.236.491đ.

[6]. Án phí. Vợ chồng ông N phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho vợ chồng ông M là 290.236.491đ bằng 14.511.825đ; vợ chồng ông M phải chịu án phí trên tổng số tiền giá trị xe ô tô trừ đi số tiền vợ chồng ông N trả cho vợ chồng ông M, tổng cộng là 590.276.509đ là 27.611.060đ. Ông M là thương binh, có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí, bà Trang phải chịu án phí là 13.805.530đ. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Khắc N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Vì những lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Khắc N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Điều 214, Điều 216 Bộ Luật dân sự năm 2005. Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc N:

1. Buộc ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều Tphải giao lại cho ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A 01 (một) xe ô tô hiệu Kia, loại: Grand, màu trắng, số máy D4HBG731330, số khung 52A6GC084804, biển kiểm soát 86A-04891 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008228 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/8/2016 do ông N đứng tên chủ sơ hữu) và các giấy tờ để lưu hành xe. Ông Nguyễn Khắc N và bà Lương Thị A được sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 86A-04891 nêu trên.

2. Hoàn trả bằng tiền:

(1) Ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A phải trả cho ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T số tiền ông M, bà T góp vốn ban đầu là 170.000.000đ; tiền ông M, bà T đã trả ngân hàng đối với khoản vay do ông N đứng tên vay là 358.579.991đ. Tổng cộng ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A phải trả cho ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T 528.579.991đ.

(2) Ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T phải trả cho ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A 238.343.500 đ tiền khấu hao tài sản.

(3) Khấu trừ các khoản (1) và (2): Ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A phải trả cho ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T 528.579.991đ – 238.343.500 đ = 290.236.491đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A phải chịu 14.511.825 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000 đồng theo biên lai số 0023889 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Hoàn trả cho ông Nguyễn Khắc N 4.988.175 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm. Ông Đoàn Hữu M được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Kiều T phải chịu 13.805.530 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp

300.000 đồng theo Biên lai số 0028123 ngày 7 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

4. Về chi phí tố tụng: ông Đoàn Hữu M, bà Lê Thị Kiều T trả lại cho ông Nguyễn Khắc N, bà Lương Thị A chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá là 3.863.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản

.